

TT	SBD	Họ và Tên lót		Giới tính	Ngày sinh	Năm lớp 9	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng
						học tại trường				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	050001	Phạm Ngọc Khả	Ái	Nữ	06/07/2010	Trường THCS Hiệp An	6.25	6.10	7.25	19.60
2	020001	Hoàng Thị Vân	An	Nữ	19/01/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	6.00	3.80	7.50	17.30
3	020017	Vũ Minh	An	Nữ	28/03/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	7.75	3.00	6.75	17.50
4	050002	Bùi Hải	An	Nam	12/01/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	6.00	5.80	7.00	18.80
5	050004	Lê Minh	An	Nữ	13/08/2010	Trường THCS Định Hòa	7.25	2.60	7.60	17.45
6	050006	Nguyễn Khánh	An	Nữ	10/01/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	8.50	7.00	8.50	24.00
7	050011	Phạm Minh	An	Nam	12/04/2010	Trường THCS Phú Hòa	8.00	4.00	5.85	17.85
8	050013	Phú Trường	An	Nam	04/01/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.00	6.30	8.00	22.30
9	050015	Trần Nguyễn Gia	An	Nữ	21/10/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.75	4.40	8.50	19.65
10	050016	Trịnh Thuận	An	Nam	18/11/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	6.25	6.60	7.25	20.10
11	050017	Võ Quốc	An	Nam	13/08/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.50	3.60	6.50	17.60
12	050056	Nguyễn Đỗ Thúy	Án	Nữ	20/06/2010	Trường THCS Hiệp An	7.50	2.80	6.25	16.55
13	010732	Phan Ngô Thu	Anh	Nữ	02/02/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	6.50	3.20	7.50	17.20
14	020039	Lục Nguyễn Hoài	Anh	Nữ	03/02/2010	Trường THCS Phú Hòa	6.50	4.00	6.25	17.75
15	020040	Ngô Nguyễn Nam	Anh	Nam	05/06/2010	Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến	5.75	3.80	7.75	17.30
16	020049	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	25/04/2009	Trường ngoại tỉnh	6.50	4.00	7.00	17.50
17	050018	Bùi Tuấn	Anh	Nam	26/10/2010	Trường THCS Phú Hòa	7.50	3.60	6.00	17.10
18	050019	Đào Hoàng	Anh	Nam	22/01/2010	Trường THCS Bình Phú	7.00	7.10	8.50	22.60
19	050022	Đỗ Nguyễn Trâm	Anh	Nữ	21/08/2010	Trường THCS Hiệp An	7.25	5.80	8.75	21.80
20	050023	Đỗ Thị Lan	Anh	Nữ	09/09/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	7.75	7.70	8.50	23.95
21	050024	Hồ Sĩ Tuấn	Anh	Nam	01/03/2010	Trường THCS Phú Hòa	6.00	3.60	8.00	17.60
22	050025	Huỳnh Quốc	Anh	Nam	10/06/2010	Trường THCS Bình Phú	6.75	6.30	7.50	20.55
23	050026	Lê Mỹ	Anh	Nữ	16/02/2010	Trường THCS Định Hòa	8.25	4.80	8.50	21.55
24	050028	Mai Thị Phương	Anh	Nữ	11/06/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.00	3.20	6.00	16.20
25	050031	Nguyễn Duy	Anh	Nam	15/07/2010	Trường THCS Phú Hòa	7.00	4.40	6.75	18.15
26	050033	Nguyễn Hải	Anh	Nữ	26/10/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.25	6.40	8.00	21.65
27	050034	Nguyễn Hoài Xuân	Anh	Nữ	30/04/2010	Trường THCS Chu Văn An	7.25	6.10	5.75	19.10
28	050036	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Anh	Nữ	31/08/2010	Trường THCS Định Hòa	7.25	3.70	6.80	17.75
29	050038	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	Nữ	14/06/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.00	4.00	7.25	18.25
30	050043	Phạm Ngọc Tuấn	Anh	Nam	05/10/2010	Trường THCS Phú Hòa	6.75	4.00	6.75	17.50
31	050044	Phạm Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	06/09/2010	Trường THCS Hiệp An	8.00	2.60	7.75	18.35
32	050045	Phạm Nguyễn Trâm	Anh	Nữ	10/09/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.50	2.80	6.50	16.80
33	050046	Phùng Trần Hoài	Anh	Nữ	28/11/2010	Trường THCS Bình Phú	7.75	3.80	7.50	20.05
34	050048	Trần Ngọc Phương	Anh	Nữ	12/08/2010	Trường THCS Chu Văn An	6.50	4.00	7.25	17.75
35	050049	Trần Ngọc Vân	Anh	Nữ	01/08/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.75	3.00	7.35	17.10
36	050050	Trần Nguyễn Kiều	Anh	Nữ	16/10/2009	Trường ngoại tỉnh	7.50	4.20	6.00	17.70
37	050055	Võ Thị Hồng	Anh	Nữ	14/07/2010	Trường THCS Chu Văn An	7.50	3.60	9.50	20.60
38	030110	Trần Ngọc	Bảo	Nam	24/03/2010	Trường THCS Phú Hòa	6.50	4.20	6.25	16.95
39	050057	Đặng Nguyễn	Bảo	Nam	17/12/2010	Trường THCS Phú Cường	8.00	2.80	6.50	18.30
40	050059	Hoàng Gia	Bảo	Nam	02/11/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	5.75	6.70	7.50	19.95
41	050062	Lê Hoàng	Bảo	Nam	04/04/2010	Trường THCS Định Hòa	8.25	5.20	8.50	21.95
42	050064	Ngô Gia	Bảo	Nam	12/06/2010	Trường THCS Phú Hòa	7.50	2.80	9.00	19.30
43	050066	Nguyễn Gia	Bảo	Nam	27/07/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	8.50	5.20	8.25	21.95
44	050070	Nguyễn Quân	Bảo	Nam	02/03/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	6.25	5.10	6.00	17.35
45	050071	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	05/10/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	7.50	2.80	6.75	17.05
46	050072	Nguyễn Quốc Gia	Bảo	Nam	04/04/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	6.75	5.00	6.75	18.50
47	050075	Trần Chí	Bảo	Nam	18/03/2010	Trường THCS Bình Phú	5.75	6.50	6.50	18.75
48	050077	Trần Gia	Bảo	Nam	06/02/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.50	7.50	5.95	19.95
49	050078	Trần Hoàng	Bảo	Nam	22/03/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.75	5.70	7.75	21.20
50	050081	Võ Thái Huy	Bảo	Nam	16/04/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.25	6.00	6.25	20.50
51	050082	Võ Trần Quốc	Bảo	Nam	07/04/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	8.00	4.40	6.75	19.15
52	050086	Phan Công	Chánh	Nam	19/12/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.50	3.40	8.25	18.15
53	020110	Nguyễn Minh	Châu	Nữ	22/06/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	8.00	3.60	6.00	17.60
54	050087	Huỳnh Bảo	Châu	Nữ	05/04/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.50	7.90	9.00	25.40
55	050088	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	Nữ	04/04/2010	Trường THCS Phú Cường	6.75	3.40	7.25	17.40
56	050089	Nguyễn Thiên	Châu	Nữ	28/03/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.25	6.00	6.50	20.75
57	050090	Phạm Ngọc Minh	Châu	Nữ	18/10/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.00	4.00	6.25	18.25
58	010750	Phạm Quỳnh	Chi	Nữ	06/11/2010	Trường THCS Bình Phú	8.00	7.50	10.00	25.50
59	050092	Nguyễn Duy	Công	Nam	12/10/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.50	4.60	7.30	19.40
60	050094	Nguyễn Phú	Cường	Nam	11/09/2010	Trường THCS Phú Hòa	6.50	6.70	7.00	20.20
61	050095	Nguyễn Văn	Cường	Nam	07/02/2010	Trường THCS Định Hòa	6.75	2.80	7.75	17.30

TT	SBD	Họ và Tên lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Năm lớp 9	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng
						học tại trường				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
62	050096	Phan Nguyễn Huy	Cường	Nam	19/05/2010	Trường THCS Chu Văn An	6.50	4.40	5.50	16.40
63	050117	Trà Nguyễn Triều	Đại	Nam	19/09/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	6.50	4.00	6.50	17.00
64	050128	Nguyễn Khiết	Đăng	Nam	28/06/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.50	6.70	6.25	19.45
65	050129	Trần Minh	Đăng	Nam	21/06/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	7.25	7.40	9.50	24.15
66	050130	Võ Minh	Đăng	Nam	11/01/2010	Trường THCS Định Hòa	7.25	3.70	6.00	16.95
67	050097	Đỗ Công	Danh	Nam	27/06/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.75	5.90	8.50	22.15
68	020174	Nguyễn Quốc	Đạt	Nam	04/03/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	8.25	3.90	5.50	17.65
69	050120	Đoàn Minh	Đạt	Nam	02/07/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.50	6.70	7.70	22.90
70	050121	Nguyễn Minh	Đạt	Nam	20/04/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.75	6.30	7.00	21.05
71	050123	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	06/08/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	5.50	3.80	9.25	18.55
72	050124	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	19/04/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	6.50	4.40	6.75	17.65
73	050125	Phan Tiến	Đạt	Nam	25/06/2010	Trường THCS Chu Văn An	6.75	3.80	7.50	18.05
74	050127	Trần Ca Thiên	Đạt	Nam	02/12/2010	Trường THCS Định Hòa	7.25	4.00	7.75	19.00
75	050099	Nguyễn	David	Nam	16/02/2009	Trường THCS Hiệp An	8.00	5.00	7.00	20.00
76	050100	Lý Thị	Diễm	Nữ	03/09/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	8.00	2.80	6.25	17.05
77	050101	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	Nữ	11/09/2010	Trường THCS Bình Phú	8.50	5.40	6.75	20.65
78	050102	Đào Xuân	Diệu	Nữ	20/11/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.75	4.00	4.75	17.50
79	080197	Trần Nhật	Đinh	Nam	20/07/2010	Trường THCS Phú Hòa	7.00	2.80	7.25	17.05
80	050131	Lê Nguyễn Việt	Đức	Nam	18/12/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	7.75	3.20	6.75	17.70
81	050134	Nguyễn Hoàng Quý	Đức	Nam	17/06/2010	Trường THCS Bình Phú	7.00	4.20	7.50	18.70
82	050105	Đinh Huỳnh Khánh	Dung	Nữ	05/05/2009	Trường ngoại tỉnh	8.00	5.60	6.50	20.10
83	030159	Hoàng Nghĩa	Dũng	Nam	10/08/2010	Trường THCS Chu Văn An	5.25	4.00	7.75	17.00
84	050106	Đỗ Minh	Dũng	Nam	28/07/2010	Trường THCS Bình Phú	7.25	5.30	7.25	19.80
85	020137	Nguyễn Đức	Duy	Nam	28/04/2010	Trường THCS Phú Hòa	7.00	4.00	6.50	17.50
86	030170	Lại Đức	Duy	Nam	10/10/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	5.75	3.60	7.75	17.10
87	050109	Lê Bảo	Duy	Nam	19/02/2009	Trường ngoại tỉnh	6.00	6.30	6.50	18.80
88	050110	Lê Nguyễn Minh	Duy	Nam	28/03/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	7.25	3.00	6.00	16.25
89	050112	Nguyễn Quốc	Duy	Nam	04/04/2008	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	6.00	3.40	7.00	16.40
90	050137	Lê Thị Hương	Giang	Nữ	21/10/2010	Trường THCS Chu Văn An	7.50	7.00	9.00	23.50
91	010151	Nguyễn Ngọc Ngân	Hà	Nữ	02/10/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	8.25	7.80	10.00	26.05
92	020197	Nguyễn Ngọc Khánh	Hà	Nữ	08/06/2010	Trường THCS Phú Hòa	8.00	3.40	6.00	17.40
93	050139	Nguyễn Minh	Hà	Nữ	10/04/2010	Trường THCS Bình Phú	7.00	4.10	7.00	18.10
94	050140	Võ Văn	Hà	Nữ	11/06/2010	Trường THCS Định Hòa	7.50	5.50	8.00	21.00
95	050143	Nguyễn Văn	Hải	Nam	23/08/2010	Trường THCS Hiệp An	7.50	6.90	8.50	22.90
96	010806	Trần Nguyễn Gia	Hân	Nữ	12/11/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.25	8.60	7.00	23.85
97	020219	Lê Ngọc	Hân	Nữ	26/10/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	7.50	3.00	7.25	17.75
98	020223	Mai Trần Diễm	Hân	Nữ	20/05/2010	Trường THCS Phú Cường	8.25	4.60	5.00	17.85
99	020228	Nguyễn Phúc Gia	Hân	Nữ	23/09/2009	Trường ngoại tỉnh	4.75	5.40	7.10	17.25
100	020232	Trần Ngọc	Hân	Nữ	01/11/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	7.25	4.30	5.75	17.30
101	030251	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	27/06/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	6.75	4.40	5.50	16.65
102	030255	Trần Ngọc	Hân	Nữ	11/08/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.00	2.80	7.00	16.80
103	050151	Đỗ Trần Ngọc	Hân	Nữ	25/11/2010	Trường THCS Hiệp An	8.25	2.80	8.00	19.05
104	050152	Hồ Gia	Hân	Nữ	02/08/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	7.50	6.10	8.50	22.10
105	050153	Lâm Gia	Hân	Nữ	13/08/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.25	4.40	5.50	16.15
106	050154	Lê Đoàn Khánh	Hân	Nữ	21/10/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	7.25	6.30	6.75	20.30
107	050155	Lê Ngọc	Hân	Nữ	08/11/2010	Trường THCS Phú Mỹ	6.75	3.60	6.75	18.10
108	050156	Nguyễn Dương Bảo	Hân	Nữ	21/10/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.75	3.20	7.50	18.45
109	050157	Nguyễn Hà Bảo	Hân	Nữ	09/02/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	8.00	5.90	9.25	23.15
110	050158	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	04/09/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	6.75	3.00	6.50	16.25
111	050159	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	Nữ	28/09/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	7.00	7.50	10.00	24.50
112	050165	Phan Gia	Hân	Nữ	16/06/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.50	5.30	6.60	19.40
113	050166	Trang Gia	Hân	Nữ	25/09/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	7.50	3.80	5.25	16.55
114	050167	Trần Bảo	Hân	Nữ	25/03/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.75	3.00	5.85	16.60
115	050168	Trần Ngọc Gia	Hân	Nữ	13/10/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	8.25	7.60	9.50	25.35
116	050144	Lã Thị Hồng	Hạnh	Nữ	06/12/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.50	3.60	6.25	17.35
117	010162	Bùi Phúc	Hào	Nam	30/09/2010	Trường THCS Bình Phú	7.25	7.80	8.25	23.30
118	020206	Lê Lâm Nhật	Hào	Nam	05/11/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	8.25	3.20	6.25	17.70
119	050145	Đoàn Gia	Hào	Nam	01/03/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	5.75	4.40	6.75	16.90
120	050147	Trần Gia	Hào	Nam	03/04/2010	Trường THCS Hòa Phú	7.25	3.20	6.75	17.20
121	050148	Trần Gia	Hào	Nam	08/07/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	6.75	4.80	7.50	19.05
122	050149	Lê Thị Ngọc	Hào	Nữ	02/10/2010	Trường THCS Chu Văn An	7.25	4.10	8.25	19.60
123	050171	Lê Thị	Hậu	Nữ	10/08/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.50	8.10	7.25	23.85
124	050175	Trần Nguyễn Phúc	Hiền	Nam	03/06/2010	Trường THCS Chu Văn An	6.50	4.40	6.25	17.15
125	050176	Huỳnh Công	Hiền	Nam	23/01/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	5.75	3.80	6.50	17.05
126	050181	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	20/10/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.50	4.00	6.75	18.25

TT	SBD	Họ và Tên lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Năm lớp 9	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng
						học tại trường				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
127	050182	Trần Trung	Hiếu	Nam	15/02/2009	Trường ngoại tỉnh	7.00	2.80	6.75	16.55
128	050183	Trần Văn	Hiếu	Nam	21/12/2010	Trường THCS Bình Phú	7.00	3.60	8.25	18.85
129	050184	Trương Chí	Hiếu	Nam	17/09/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.00	4.40	6.50	18.90
130	050185	Huỳnh Thành	Hòa	Nam	18/05/2010	Trường THCS Định Hòa	7.75	2.40	7.00	17.15
131	050186	Phạm Minh	Hòa	Nam	04/07/2010	Trường THCS Bình Phú	7.75	5.20	8.75	21.70
132	030283	Lê Vũ	Hoàng	Nam	09/04/2010	Trường THCS Phú Mỹ	6.25	3.00	7.75	17.00
133	050189	Lê Thanh	Hoàng	Nam	16/12/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	7.75	3.20	7.00	18.95
134	050191	Nguyễn	Hoàng	Nam	04/12/2010	Trường THCS Hiệp An	6.50	7.10	8.00	21.60
135	050193	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	21/12/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	6.50	5.60	8.00	20.10
136	020268	Phạm Tuấn	Hùng	Nam	19/02/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	7.00	3.80	5.50	16.30
137	050223	Lê Phúc	Hưng	Nam	21/04/2009	Trường THCS Bình Chuẩn 2	7.25	3.20	6.75	17.20
138	050225	Trần Lê Duy	Hưng	Nam	07/01/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.25	4.40	6.65	18.30
139	030338	Nguyễn Trần Thiên	Hương	Nữ	08/02/2010	Trường THCS Phú Mỹ	6.50	3.00	7.25	16.75
140	030339	Vương Thị Quỳnh	Hương	Nữ	15/06/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.00	4.40	4.50	16.90
141	010219	Nguyễn Ngô Gia	Huy	Nam	31/07/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	7.50	8.60	9.25	25.35
142	020272	Dương Gia	Huy	Nam	16/04/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	7.25	4.80	5.75	17.80
143	020288	Trần Gia	Huy	Nam	23/11/2010	Trường THCS Phú Cường	6.00	5.20	5.25	16.45
144	050200	Lê Gia	Huy	Nam	22/12/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.00	3.00	6.75	16.75
145	050203	Mai Gia	Huy	Nam	05/07/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.00	6.40	6.50	19.90
146	050204	Nguyễn Chí	Huy	Nam	27/10/2010	Trường THCS Phú Mỹ	6.75	2.80	7.25	16.80
147	050205	Nguyễn Đức Anh	Huy	Nam	27/12/2010	Trường THCS Phú Mỹ	7.00	2.60	6.75	16.35
148	050206	Nguyễn Gia	Huy	Nam	16/07/2010	Trường THCS Trịnh Hoài Đức	8.25	5.30	7.00	20.55
149	050207	Nguyễn Lê Thanh	Huy	Nam	23/09/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	6.75	3.60	6.00	16.35
150	050209	Nguyễn Nhật	Huy	Nam	07/08/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	7.25	4.80	6.00	18.05
151	050210	Tạ Gia	Huy	Nam	23/10/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.75	4.80	6.75	19.30
152	050211	Thái Quốc	Huy	Nam	20/09/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.50	5.80	8.50	22.80
153	050212	Trần Hoàng	Huy	Nam	26/07/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.50	7.00	7.25	21.75
154	050215	Trương Lê Nhật	Huy	Nam	01/03/2010	Trường THCS Bình Phú	7.75	7.30	10.00	25.05
155	050216	Trương Nhật	Huy	Nam	23/11/2008	Trường THCS Trần Bình Trọng	6.50	5.80	8.00	20.30
156	050217	Võ Gia	Huy	Nam	09/12/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.00	4.60	8.00	19.60
157	050220	Phan Thị Thanh	Huyền	Nữ	05/03/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	6.50	2.60	7.25	16.35
158	030343	Đinh Tuấn	Khải	Nam	19/10/2010	Trường THCS Phú Mỹ	6.50	3.80	7.00	17.30
159	050229	Lê	Khải	Nam	13/04/2010	Trường THCS Hiệp An	7.00	5.20	6.25	18.45
160	020305	Hà Dương	Khang	Nam	23/11/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	6.00	5.00	6.25	17.25
161	030357	Nguyễn Phùng Mai	Khang	Nam	25/03/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	6.00	3.00	6.50	16.50
162	050231	Nguyễn Gia	Khang	Nam	22/12/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	6.75	4.00	6.00	16.75
163	050232	Nguyễn Hoàng	Khang	Nam	30/09/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.25	4.60	5.80	16.65
164	050235	Trần Gia	Khang	Nam	21/04/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	6.00	7.30	5.35	18.65
165	050236	Trần Nguyên	Khang	Nam	22/07/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.00	3.00	7.50	17.50
166	050237	Võ Phan Vĩ	Khang	Nam	05/02/2010	Trường THCS Hiệp An	8.00	5.80	9.25	23.05
167	300408	Nguyễn Đặng Ngọc	Khang	Nam	08/11/2010	Trường THCS Phú Hòa	7.50	2.60	7.25	17.35
168	010840	Nguyễn Ngân	Khánh	Nữ	01/02/2010	Trường THCS Bình Phú	8.25	7.00	6.75	22.00
169	020321	Nguyễn Phạm Vân	Khánh	Nữ	13/10/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	7.25	4.10	6.00	17.35
170	010268	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	Nam	16/05/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.00	8.60	6.75	23.35
171	020325	Bùi Minh	Khoa	Nam	01/08/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	7.25	2.20	7.25	16.70
172	030383	Phan Đăng	Khoa	Nam	09/05/2010	Trường THCS Phú Cường	6.50	4.00	6.75	17.25
173	050243	Huỳnh Anh	Khoa	Nam	08/01/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	5.50	3.20	6.55	16.25
174	050244	Lại Thế Đăng	Khoa	Nam	27/06/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	7.25	2.80	7.75	17.80
175	050245	Nguyễn Minh	Khoa	Nam	20/04/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	8.00	6.90	8.50	23.40
176	050246	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	Nam	23/12/2010	Trường THCS Định Hòa	8.00	6.20	7.25	21.45
177	050249	Từ Đăng	Khoa	Nam	15/08/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.00	6.50	8.25	22.75
178	020340	Trần Đăng	Khôi	Nam	28/12/2010	Trường THCS Phú Hòa	7.00	2.60	6.75	16.35
179	030389	Lê Trọng	Khôi	Nam	11/02/2010	Trường THCS Chu Văn An	5.25	3.80	8.00	17.05
180	050256	Phạm Xuân Minh	Khôi	Nam	01/01/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	8.00	4.80	5.10	17.90
181	050258	Trần Mai	Khôi	Nữ	24/04/2010	Trường THCS Bình Phú	7.75	4.90	7.00	19.65
182	050260	Trần Trí	Kiên	Nam	26/02/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	7.00	3.80	5.55	16.35
183	050261	Lê Anh	Kiệt	Nam	01/04/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.75	3.20	8.50	19.45
184	050266	Trần Tuấn	Kiệt	Nam	19/04/2010	Trường THCS Định Hòa	7.25	3.40	7.00	17.65
185	050267	Phạm Thụy Như	Kiều	Nữ	01/10/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.00	3.80	6.00	16.80
186	030409	Nguyễn Đặng Liên	Kim	Nữ	05/07/2009	Trường ngoại tỉnh	8.00	3.00	6.00	17.00
187	050268	Hà Huỳnh Thiên	Kim	Nữ	28/12/2009	Trường THCS Chánh Nghĩa	8.00	2.60	7.25	17.85
188	050269	Huỳnh Hoàng	Kim	Nữ	29/10/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	9.00	3.00	7.25	19.25
189	020357	Trương Diệu	Kỳ	Nữ	28/11/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.25	3.60	7.00	17.85
190	050275	Nguyễn Lê Tường	Lam	Nữ	01/12/2010	Trường THCS Hiệp An	9.25	4.20	6.50	19.95
191	050277	Nguyễn Tường	Lam	Nữ	19/03/2010	Trường THCS Phú Cường	7.00	3.40	7.50	17.90

TT	SBD	Họ và Tên lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Năm lớp 9	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng
						học tại trường				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
192	030421	Đỗ Sơn	Lâm	Nam	01/09/2010	Trường THCS Chu Văn An	6.25	3.20	7.75	17.20
193	050278	Nguyễn Phan Trúc	Lan	Nữ	22/01/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	7.75	3.60	7.25	18.60
194	050281	Hồ Nguyễn Vy	Lê	Nữ	04/11/2010	Trường THCS Định Hòa	8.25	4.40	7.60	20.25
195	010329	Từ Lê Mỹ	Linh	Nữ	01/12/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.75	6.50	7.50	21.75
196	030431	Hoàng Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	07/07/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	7.00	3.40	6.80	17.20
197	050283	Đoàn Thị Phương	Linh	Nữ	25/11/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	8.25	5.00	6.35	19.60
198	050284	Lê Bình Phương	Linh	Nữ	02/09/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	8.50	3.20	5.75	17.45
199	050285	Lê Ngọc Khánh	Linh	Nữ	20/10/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.00	2.60	5.75	16.35
200	050290	Phan Hà	Linh	Nữ	13/11/2010	Trường THCS Hiệp An	8.00	3.40	7.75	19.15
201	020404	Nguyễn Hữu	Lộc	Nam	02/12/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	6.75	3.00	6.85	16.60
202	050304	Đỗ Đại	Lộc	Nam	21/01/2010	Trường THCS Phú Cường	5.75	5.20	5.90	16.85
203	050307	Nguyễn Hữu	Lợi	Nam	25/02/2010	Trường THCS Phú Cường	5.75	6.50	4.00	16.25
204	050294	Đỗ Huỳnh Thanh	Long	Nam	11/03/2010	Trường THCS Phú Cường	5.50	4.80	6.25	16.55
205	050295	Huỳnh Minh	Long	Nam	20/08/2010	Trường THCS Trịnh Hoài Đức	6.75	4.20	7.25	18.20
206	050296	Kim Nguyễn Phi	Long	Nam	23/03/2010	Trường THCS Định Hòa	7.25	7.00	7.50	21.75
207	050297	Lê Thành	Long	Nam	19/01/2010	Trường THCS Bình Phú	6.75	6.20	6.75	19.70
208	050301	Nguyễn Phi	Long	Nam	08/04/2010	Trường THCS Định Hòa	7.75	7.00	8.00	22.75
209	050303	Nguyễn Thanh	Long	Nam	10/08/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.25	6.20	8.25	21.70
210	050308	Nguyễn Hữu	Luân	Nam	15/08/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	6.00	4.00	7.00	17.00
211	050309	Phạm Sĩ	Luân	Nam	23/02/2010	Trường THCS Hiệp An	6.00	3.90	7.25	17.15
212	050310	Vũ Khánh	Luân	Nam	22/08/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.25	5.80	5.35	18.40
213	050312	Phạm Duy	Lương	Nam	16/04/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	7.25	2.80	7.75	17.80
214	050313	Ngô Hoàng Trúc	Ly	Nữ	27/10/2010	Trường THCS Chu Văn An	6.25	2.80	7.25	16.30
215	010883	Lương Ngọc	Mai	Nữ	16/10/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	8.50	8.50	10.00	27.00
216	030488	Trà Bảo	Mi	Nữ	14/06/2010	Trường THCS Chu Văn An	6.75	3.80	6.35	16.90
217	040465	Phan Quốc	Minh	Nam	08/10/2010	Trường THCS Định Hòa	7.25	3.40	5.75	16.40
218	050314	Hồ Hoàng Nhật	Minh	Nam	19/05/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.25	4.40	6.50	19.15
219	050317	Nguyễn Đặng Ngọc	Minh	Nữ	17/04/2010	Trường THCS Bình Phú	7.75	6.70	6.75	21.20
220	050318	Nguyễn Hoàng	Minh	Nam	19/04/2010	Trường THCS Phú Cường	5.00	7.50	6.00	18.50
221	050319	Nguyễn Tiến	Minh	Nam	25/07/2010	Trường THCS Chu Văn An	6.50	5.60	7.75	19.85
222	050322	Vương Quốc	Minh	Nam	17/11/2010	Trường THCS Định Hòa	7.25	6.40	7.25	20.90
223	010377	Nguyễn Ngọc Trà	My	Nữ	04/01/2010	Trường THCS Hiệp An	8.25	7.00	7.25	22.50
224	020434	Phạm Đoàn Trà	My	Nữ	06/05/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	7.75	3.40	6.50	17.65
225	030505	Đinh Hà	My	Nữ	22/09/2010	Trường THCS Phú Hòa	7.25	2.20	7.25	16.70
226	030515	Phạm Thị Diễm	My	Nữ	25/08/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.00	2.60	7.50	17.10
227	050323	Đinh Thị Thảo	My	Nữ	10/10/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.25	4.00	5.75	18.00
228	050325	Lê Thị Trà	My	Nữ	13/09/2009	Trường THCS Phú Hòa	6.50	3.40	6.50	16.40
229	050326	Nguyễn Diệu Ái	My	Nữ	12/02/2010	Trường THCS Phú Hòa	8.25	3.60	6.00	17.85
230	050329	Nguyễn Trà	My	Nữ	03/12/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.50	6.00	7.75	21.25
231	020451	Nguyễn Thị Ngọc	Ngà	Nữ	22/04/2009	Trường THCS Phú Hòa	7.75	2.80	7.25	17.80
232	020456	Nguyễn Vũ Bảo	Ngân	Nữ	09/02/2010	Trường THCS Phú Cường	6.25	4.60	6.25	17.10
233	050333	Đặng Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	09/09/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.25	3.00	7.75	18.00
234	050334	Đoàn Khánh	Ngân	Nữ	04/11/2010	Trường THCS Hiệp An	6.25	6.50	7.00	19.75
235	050336	Đoàn Thị Kim	Ngân	Nữ	19/10/2010	Trường THCS Định Hòa	6.75	6.90	5.75	19.40
236	050337	Hà Thị Kim	Ngân	Nữ	14/08/2010	Trường THCS Hiệp An	7.00	5.50	9.00	21.50
237	050338	Mai Nguyễn Gia	Ngân	Nữ	05/01/2010	Trường THCS Bình Phú	8.00	7.50	9.00	24.50
238	050339	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	05/06/2010	Trường THCS Hiệp An	8.75	4.00	7.75	20.50
239	050340	Nguyễn Phương Hồng	Ngân	Nữ	12/03/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	6.50	2.80	7.75	17.05
240	050342	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	Nữ	01/09/2010	Trường THCS Phú Hòa	7.75	3.40	7.00	18.15
241	050343	Phan Thị Thanh	Ngân	Nữ	28/09/2010	Trường THCS Hiệp An	7.75	3.00	5.50	16.25
242	050344	Tăng Khánh	Ngân	Nữ	25/04/2010	Trường THCS Hiệp An	7.00	6.30	7.50	20.80
243	020465	Nguyễn Võ Khánh	Nghi	Nữ	20/10/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.50	2.80	6.75	17.05
244	050347	Nguyễn Bảo	Nghi	Nữ	19/07/2009	Trường THCS Định Hòa	8.25	6.10	7.50	21.85
245	050348	Nguyễn Trúc	Nghi	Nữ	04/07/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	6.50	4.10	8.00	18.60
246	010410	Phan Trọng	Nghĩa	Nam	08/01/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.50	8.70	8.50	24.70
247	050349	Lê Minh Hiếu	Nghĩa	Nam	06/10/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	6.25	3.40	7.50	17.15
248	010422	Sử Quỳnh Minh	Ngọc	Nữ	24/09/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	8.50	8.50	7.75	25.75
249	020474	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	30/08/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	6.50	4.60	6.50	17.60
250	030565	Hà Thị Bích	Ngọc	Nữ	31/01/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.25	3.60	6.25	17.10
251	050354	Hà Bảo	Ngọc	Nữ	04/01/2010	Trường THCS Hiệp An	7.25	5.00	6.50	18.75
252	050355	Hồ Thanh	Ngọc	Nữ	02/06/2010	Trường THCS Hiệp An	8.50	5.90	9.25	23.65
253	050358	Lê Trần Mỹ	Ngọc	Nữ	07/09/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	8.00	5.30	7.50	20.80
254	050359	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	18/02/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	7.50	4.00	8.90	20.40
255	050360	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	12/11/2010	Trường THCS Chu Văn An	6.75	2.80	7.25	16.80
256	050364	Nguyễn Lê Hồng	Ngọc	Nữ	17/07/2010	Trường THCS Phú Cường	7.25	3.20	6.50	16.95

TT	SBD	Họ và Tên lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Năm lớp 9	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng
						học tại trường				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
257	050365	Nguyễn Quỳnh Bảo	Ngọc	Nữ	07/08/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.75	4.40	6.00	17.15
258	050366	Nguyễn Thê	Ngọc	Nam	06/02/2010	Trường THCS Phú Mỹ	7.25	2.60	7.60	17.45
259	050370	Trần Thị Bảo	Ngọc	Nữ	30/07/2010	Trường THCS Hiệp An	8.00	3.60	7.50	19.10
260	010431	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	18/01/2010	Trường THCS Bình Phú	7.50	8.30	8.75	24.55
261	020494	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	21/06/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	6.00	4.40	6.25	16.65
262	030589	Nguyễn Nguyễn Khôi	Nguyễn	Nam	05/04/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	5.75	3.60	7.75	17.10
263	050371	Cao Huy Khôi	Nguyễn	Nam	22/02/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.00	4.80	10.00	21.80
264	050378	Lê Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	07/04/2010	Trường THCS Trịnh Hoài Đức	7.00	6.70	5.85	19.55
265	050380	Đỗ Trang	Nhã	Nữ	11/01/2010	Trường THCS Phú Mỹ	6.50	4.80	5.00	16.30
266	020507	Lê Thành	Nhân	Nam	19/08/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	6.75	4.10	5.90	16.75
267	020509	Nguyễn Trí	Nhân	Nam	26/03/2010	Trường THCS Chu Văn An	7.50	3.60	6.55	17.65
268	030604	Nguyễn Hoàng	Nhân	Nam	09/08/2010	Trường THCS Phú Mỹ	7.25	3.60	6.10	16.95
269	050382	Đỗ Thành	Nhân	Nam	15/03/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.25	7.80	6.75	22.80
270	050387	Trần Thiện	Nhân	Nam	29/07/2010	Trường THCS Hiệp An	7.00	2.40	8.00	17.40
271	050388	Vương Trọng	Nhân	Nam	29/09/2010	Trường THCS Định Hòa	6.50	5.80	7.50	19.80
272	050390	Trần Minh	Nhật	Nam	29/10/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	5.75	5.00	6.15	16.90
273	050391	Trần Nguyễn Minh	Nhật	Nam	09/09/2010	Trường THCS Định Hòa	6.75	3.20	7.50	17.45
274	010933	Lý Ngọc	Nhi	Nữ	26/09/2010	Trường THCS Chu Văn An	6.00	5.80	7.50	20.30
275	020518	Lê Xuân	Nhi	Nữ	06/11/2010	Trường THCS Phú Hòa	7.00	3.00	6.75	16.75
276	020524	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	14/07/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	6.50	4.00	6.75	17.25
277	020525	Nguyễn Phương	Nhi	Nữ	25/08/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	7.25	2.60	7.00	16.85
278	020532	Trần Nguyễn An	Nhi	Nữ	19/11/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	5.25	4.80	7.25	17.30
279	040589	Ngô Lê Yến	Nhi	Nữ	02/03/2010	Trường THCS Định Hòa	7.00	2.60	6.75	16.35
280	050398	Lê Văn	Nhi	Nữ	29/07/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.75	4.60	7.75	19.10
281	050399	Ngô Trúc	Nhi	Nữ	10/08/2010	Trường THCS Bình Phú	7.50	6.90	7.50	21.90
282	050402	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi	Nữ	22/01/2010	Trường THCS Định Hòa	6.75	3.40	7.25	17.40
283	050403	Nguyễn Phương Thảo	Nhi	Nữ	19/08/2010	Trường THCS Chu Văn An	6.50	4.80	6.00	17.30
284	050404	Nguyễn Thị Yên	Nhi	Nữ	09/02/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.25	3.60	6.25	18.10
285	050405	Nguyễn Trúc	Nhi	Nữ	22/08/2010	Trường THCS Hiệp An	7.25	4.60	8.00	19.85
286	050407	Nguyễn Võ Yến	Nhi	Nữ	08/01/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	8.00	5.80	7.00	20.80
287	050408	Phạm Phương	Nhi	Nữ	17/11/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	6.25	3.20	7.50	16.95
288	050409	Phạm Uyên	Nhi	Nữ	17/11/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	6.75	3.80	6.80	17.35
289	050411	Vô Uyên	Nhi	Nữ	11/01/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.00	7.30	7.25	21.55
290	020538	Hồ Quỳnh	Như	Nữ	05/03/2010	Trường THCS Phú Hòa	6.75	3.00	7.25	17.00
291	050415	Đỗ	Như	Nữ	27/10/2010	Trường THCS Phú Cường	7.25	7.60	8.50	23.35
292	050417	Huỳnh Ngọc Lâm	Như	Nữ	01/04/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.25	3.40	6.75	17.40
293	050419	Lê Quỳnh	Như	Nữ	25/08/2010	Trường THCS Phú Cường	7.75	3.20	6.10	17.05
294	050420	Mai Thị Quỳnh	Như	Nữ	16/08/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	6.75	6.40	7.50	20.65
295	050422	Nguyễn Thái Quỳnh	Như	Nữ	01/04/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	7.50	5.90	6.80	20.20
296	050423	Phạm Đỗ Uyên	Như	Nữ	28/10/2010	Trường THCS Hiệp An	7.50	3.40	7.25	18.15
297	050425	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	05/08/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	6.25	6.30	7.75	20.30
298	050426	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	11/12/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	7.50	7.40	6.25	21.15
299	050430	Trần Thị Quỳnh	Như	Nữ	29/07/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.00	6.60	6.00	20.60
300	050413	Đoàn Đỗ	Nhuận	Nam	19/09/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.75	6.20	7.50	20.45
301	050435	Nguyễn Thanh	Pha	Nam	21/05/2010	Trường THCS Định Hòa	8.25	4.60	7.00	19.85
302	010485	Phạm Văn	Phát	Nam	29/06/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	8.50	8.20	10.00	26.70
303	020551	Huỳnh Thanh	Phát	Nam	28/04/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	7.00	4.00	6.50	17.50
304	020566	Vương Nhật	Phát	Nam	25/09/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	5.25	4.40	7.00	16.65
305	050436	Huỳnh Tiến	Phát	Nam	15/01/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	8.00	7.20	8.75	23.95
306	050438	Nguyễn Mạnh	Phát	Nam	25/11/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.25	8.10	7.25	22.60
307	050439	Nguyễn Phan Minh	Phát	Nam	21/01/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.25	5.00	8.25	21.50
308	050440	Nông Nguyễn Tiến	Phát	Nam	08/01/2010	Trường THCS Bình Phú	8.25	7.70	8.50	25.45
309	050441	Thái Võ Tiến	Phát	Nam	26/07/2010	Trường THCS Bình Phú	7.00	7.70	7.25	21.95
310	030669	Nguyễn Hoàng	Phi	Nam	13/07/2010	Trường THCS Phú Mỹ	7.00	2.40	6.85	16.25
311	050445	Võ Thanh	Phong	Nam	18/06/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.25	4.80	7.00	18.05
312	050446	Nguyễn Hào	Phú	Nam	27/05/2010	Trường THCS Chu Văn An	5.75	5.10	9.00	19.85
313	020575	Hồ Hoàng	Phúc	Nam	13/09/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	7.25	2.80	6.75	16.80
314	030686	Nguyễn Hòa Anh	Phúc	Nam	06/08/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	4.25	4.50	7.50	16.25
315	050447	Đoàn Trọng	Phúc	Nam	11/11/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.75	4.80	7.25	18.80
316	050448	Ngô Thiện	Phúc	Nam	07/10/2010	Trường THCS Chu Văn An	5.75	3.80	6.75	16.30
317	050451	Nguyễn Thiện	Phúc	Nữ	05/02/2009	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	7.25	2.60	6.75	16.60
318	050453	Nguyễn Trọng	Phúc	Nam	22/02/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.75	3.60	5.65	17.00
319	060402	Huỳnh Gia	Phúc	Nam	08/06/2010	Trường THCS Phú Cường	5.00	4.90	10.00	19.90
320	050457	Nguyễn Thị Kim	Phụng	Nữ	13/08/2010	Trường THCS Phú Hòa	7.25	4.30	7.00	18.55
321	050458	Sin Hỷ Trần	Phụng	Nữ	26/09/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.50	6.20	8.50	24.20

TT	SBD	Họ và Tên lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Năm lớp 9	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng
						học tại trường				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
322	030707	Nguyễn Thiện	Phước	Nam	16/12/2009	Trường ngoại tỉnh	7.75	1.70	7.75	17.20
323	050459	Nguyễn Đức	Phước	Nam	20/02/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	6.25	4.20	6.75	17.20
324	050460	Nguyễn Huỳnh Minh	Phước	Nam	26/10/2010	Trường THCS Phú Mỹ	6.75	3.20	7.00	16.95
325	050461	Trương Thành	Phước	Nam	16/12/2010	Trường THCS Phú Hòa	7.25	2.60	7.00	16.85
326	020597	Đỗ Thị Minh	Phương	Nữ	27/10/2010	Trường THCS Phú Cường	6.50	4.20	6.25	16.95
327	030715	Nguyễn Thị Hồng	Phương	Nữ	07/06/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	6.75	4.00	6.00	16.75
328	050462	Dương Lan	Phương	Nữ	14/07/2010	Trường THCS Chu Văn An	6.75	5.60	8.25	20.60
329	050468	Trần Thị Minh	Phương	Nữ	13/11/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.50	4.20	9.00	20.70
330	080695	Nguyễn Đức	Phương	Nam	17/05/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	6.50	3.20	7.25	16.95
331	050473	Mạc Lê Hoàng Nhất	Quân	Nam	13/09/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	7.00	4.60	7.50	19.10
332	050476	Nguyễn Minh	Quân	Nam	26/07/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.75	7.00	6.50	20.25
333	050477	Nguyễn Thành Thế	Quân	Nam	23/08/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	6.75	3.20	8.00	17.95
334	050472	Trần Nguyễn Trí	Quang	Nam	23/10/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.50	2.40	7.25	17.15
335	300747	Nguyễn Minh	Quang	Nam	20/05/2010	Trường THCS Phú Hòa	7.00	3.40	6.60	17.00
336	010968	Nguyễn Minh	Quý	Nam	10/12/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.00	7.60	8.00	23.60
337	020623	Phan Phú	Quý	Nam	28/10/2010	Trường THCS Định Hòa	7.50	3.60	6.50	17.60
338	030735	Trần Hạ	Quyên	Nữ	21/06/2010	Trường TH-THCS-THPT Marie Curie	6.25	3.80	6.25	16.30
339	050483	Phạm Nguyễn Bá	Quyết	Nam	08/02/2010	Trường THCS Bình Phú	7.00	7.30	8.75	23.05
340	050485	Đỗ Võ Khánh	Quỳnh	Nữ	03/08/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.50	2.60	7.75	16.85
341	050487	Nguyễn Ngọc Thanh	Quỳnh	Nữ	06/02/2010	Trường THCS Phú Cường	7.00	5.30	9.25	21.55
342	050488	Trần Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24/12/2010	Trường THCS Hiệp An	8.25	3.20	6.75	18.20
343	050489	Trần Ngọc Trúc	Quỳnh	Nữ	04/03/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	7.75	3.80	7.25	18.80
344	050491	Vũ Như	Quỳnh	Nữ	21/06/2010	Trường THCS Bình Phú	7.25	5.90	7.50	20.65
345	020644	Nguyễn Thị Kim	Sa	Nữ	09/08/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	7.00	2.80	6.60	16.40
346	050492	Nguyễn Minh	Sang	Nữ	09/01/2010	Trường THCS Phú Cường	7.25	3.20	7.00	17.45
347	050494	Phạm Quý	Son	Nam	01/02/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.25	4.80	7.00	19.05
348	050495	Thân Hà	Son	Nam	21/03/2010	Trường THCS Bình Phú	7.75	7.10	8.50	23.35
349	020657	Nguyễn Ngọc	Tài	Nam	17/03/2010	Trường THCS Phú Hòa	5.75	4.20	7.75	17.70
350	050497	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	16/11/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.00	5.70	8.50	22.20
351	050499	Đặng Ngọc Bảo	Tâm	Nam	14/03/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.75	3.00	6.50	16.25
352	050501	Nguyễn Minh	Tâm	Nam	19/04/2010	Trường THCS Phú Cường	6.25	3.40	9.25	18.90
353	050504	Nguyễn Nhật Minh	Tân	Nam	01/05/2010	Trường THCS Bình Phú	7.00	4.80	8.50	20.30
354	050506	Nguyễn Quốc	Thái	Nam	02/03/2010	Trường THCS Bình Phú	6.75	3.20	7.80	17.75
355	030781	Trần Thị Thiên	Thanh	Nữ	31/03/2010	Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến	7.00	3.20	6.50	16.70
356	050507	Bùi Thị Phương	Thanh	Nữ	16/03/2010	Trường THCS Chu Văn An	8.25	5.60	6.75	20.60
357	050508	Thái Yến	Thanh	Nữ	02/02/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	6.25	7.40	7.25	20.90
358	050510	Lý Gia	Thành	Nam	22/02/2010	Trường THCS Chu Văn An	7.00	8.20	7.50	23.70
359	050511	Nguyễn Chí	Thành	Nam	26/06/2010	Trường THCS Hiệp An	7.25	4.00	7.50	18.75
360	010989	Nguyễn Văn	Thảo	Nam	27/03/2010	Trường THCS Bình Phú	8.00	6.70	7.25	21.95
361	020687	Võ Hằng Mai	Thảo	Nữ	18/05/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	5.75	3.60	7.75	17.10
362	020689	Vũ Thị Thanh	Thảo	Nữ	27/05/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	6.75	3.80	7.25	17.80
363	050514	Hoàng Thị Phương	Thảo	Nữ	24/10/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.25	3.60	5.55	16.40
364	050517	Phan Thanh	Thảo	Nữ	12/01/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	8.25	4.20	6.50	18.95
365	050518	Trần Lương Phương	Thảo	Nữ	16/12/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	9.00	2.20	8.25	19.45
366	030805	Mạc Nguyễn Bảo	Thị	Nữ	03/01/2010	Trường THCS Chu Văn An	8.00	3.80	5.25	17.05
367	050523	Đặng Lê Đại	Thiên	Nam	30/06/2010	Trường THCS Bình Phú	7.25	6.60	7.25	22.10
368	050525	Lục Tiểu	Thiên	Nam	27/12/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.75	6.50	7.50	21.75
369	050526	Ngô Bảo	Thiên	Nam	21/10/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	6.50	3.20	7.25	16.95
370	050527	Nguyễn Đức Bình	Thiên	Nam	15/10/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	7.75	8.60	9.50	25.85
371	050529	Võ Đặng Hoàng	Thiên	Nam	18/07/2010	Trường THCS Bình Phú	5.50	4.60	8.50	18.60
372	050530	Đỗ Tùng	Thiện	Nam	12/05/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	6.50	7.70	7.00	21.20
373	050531	Nguyễn Chí	Thiện	Nam	20/07/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	8.50	7.30	9.50	25.30
374	050533	Nguyễn Phúc	Thiện	Nam	18/10/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	5.50	4.40	7.50	17.40
375	050534	Trần Lương	Thiện	Nam	18/12/2009	Trường THCS Bình Phú	7.00	4.40	6.50	17.90
376	050537	Đỗ Phúc	Thịnh	Nam	30/11/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	6.75	3.80	6.00	16.55
377	050541	Nguyễn Quang	Thịnh	Nam	26/11/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.00	4.40	6.75	18.15
378	050543	Phạm Hoàng Đức	Thịnh	Nam	15/03/2010	Trường THCS Bình Phú	5.50	7.60	6.80	19.90
379	050544	Trần Hữu	Thọ	Nam	27/03/2010	Trường THCS Phú Hòa	7.00	3.60	6.50	17.10
380	050545	Nguyễn Quang	Thông	Nam	23/02/2010	Trường THCS Phú Cường	6.50	3.20	8.00	17.70
381	020711	Trần Danh	Thông	Nam	20/05/2010	Trường THCS Phú Hòa	6.75	3.40	6.25	16.40
382	050546	Lê Thị Hồng	Thu	Nữ	08/01/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.00	3.80	7.00	17.80
383	010590	Vũ Hoàng Minh	Thư	Nữ	08/08/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	8.00	6.60	7.75	22.35
384	020734	Nguyễn Ngọc Thanh	Thư	Nữ	21/03/2010	Trường THCS Phú Cường	6.25	4.60	6.50	17.35
385	050561	Bùi Phạm Anh	Thư	Nữ	29/10/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.50	4.60	7.75	19.85
386	050563	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	Nữ	09/10/2010	Trường THCS Bình Phú	7.75	2.60	6.75	17.10

TT	SBD	Họ và Tên lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Năm lớp 9	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng
						học tại trường				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
387	050564	Lê Hà Kim	Thư	Nữ	05/07/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.75	3.20	7.65	19.60
388	050565	Lê Ngọc Minh	Thư	Nữ	28/09/2009	Trường ngoại tỉnh	5.25	6.10	7.00	18.35
389	050568	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	04/10/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.50	3.60	7.50	18.60
390	050572	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	16/12/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	8.00	4.20	7.75	19.95
391	050573	Nguyễn Quỳnh Anh	Thư	Nữ	27/11/2010	Trường THCS Chu Văn An	8.00	5.20	6.50	19.70
392	050574	Phạm Anh	Thư	Nữ	31/07/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.75	5.50	6.00	19.25
393	050575	Quản Anh	Thư	Nữ	02/01/2010	Trường THCS Bình Phú	8.00	2.80	6.35	17.15
394	050576	Thái Lê Anh	Thư	Nữ	12/11/2010	Trường THCS Định Hòa	8.25	6.00	8.00	22.25
395	050577	Trần Anh	Thư	Nữ	26/02/2010	Trường THCS Định Hòa	6.75	4.00	8.25	19.00
396	050578	Văn Ngọc Minh	Thư	Nữ	04/12/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.75	5.20	7.00	19.95
397	050547	Bùi Minh	Thuận	Nam	08/07/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	5.00	4.60	6.75	16.35
398	050579	Đỗ Hoài	Thương	Nữ	11/09/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.75	7.00	7.25	23.00
399	050549	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	22/06/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.00	5.80	4.60	17.40
400	050551	Bùi Phan Ngọc	Thùy	Nữ	13/02/2010	Trường THCS Bình Phú	8.00	8.30	9.25	25.55
401	050554	Phan Thị Bích	Thùy	Nữ	02/10/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.50	3.20	5.75	16.45
402	050555	Lý Phan Thanh	Thùy	Nữ	27/06/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	8.00	3.00	6.25	17.25
403	050560	Nguyễn Nguyên	Thụy	Nam	23/03/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.50	6.60	8.00	22.10
404	050583	Trần Bảo	Thy	Nữ	20/04/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	7.75	3.40	7.75	18.90
405	050584	Trần Nguyễn Nhã	Thy	Nữ	10/10/2010	Trường THCS Bình Phú	8.25	5.00	7.50	20.75
406	011019	Nguyễn Huỳnh Thủy	Tiên	Nữ	06/06/2010	Trường THCS Hiệp An	6.75	4.20	7.00	17.95
407	050586	Huỳnh Mỹ	Tiên	Nữ	25/11/2010	Trường THCS Hiệp An	8.75	5.20	8.50	22.45
408	030879	Thái Minh	Tiến	Nam	11/04/2010	Trường THCS Phú Mỹ	6.25	3.40	7.00	16.65
409	050588	Huỳnh Tấn	Tiến	Nam	18/09/2010	Trường THCS Chu Văn An	8.00	2.60	6.00	16.60
410	050594	Huỳnh Huy	Toàn	Nam	18/01/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.75	3.20	6.50	16.45
411	050595	Lê Quốc	Toàn	Nam	01/04/2010	Trường THCS Hiệp An	6.00	6.80	7.50	20.30
412	050598	Trần Quốc	Toàn	Nam	14/05/2010	Trường THCS Chu Văn An	7.25	7.20	7.50	21.95
413	050600	Văn Ngọc Việt	Trà	Nữ	31/03/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	6.75	4.80	6.75	18.30
414	010616	Trần Nguyễn Quỳnh	Trâm	Nữ	16/01/2010	Trường THCS Chu Văn An	7.00	8.70	8.00	23.70
415	050610	Lê Phạm Minh	Trâm	Nữ	30/07/2010	Trường THCS Hiệp An	7.50	3.20	8.25	18.95
416	050613	Nguyễn Quỳnh	Trâm	Nữ	28/09/2010	Trường THCS Chu Văn An	6.50	4.10	6.75	17.35
417	050614	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	Nữ	11/01/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.25	3.60	6.25	17.10
418	050616	Nguy Thị Bảo	Trần	Nữ	02/06/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.25	4.80	6.25	19.30
419	050617	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	Nữ	23/01/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.25	4.60	7.25	20.10
420	050618	Vòng Bảo	Trần	Nữ	23/12/2010	Trường THCS Phú Cường	6.50	4.00	8.50	20.00
421	030894	Đỗ Ngọc Yến	Trang	Nữ	28/01/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.00	2.60	7.50	17.10
422	030895	Lê Bảo	Trang	Nữ	29/11/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	6.75	4.00	6.00	16.75
423	050603	Nguyễn Đoàn Bảo	Trang	Nữ	19/06/2010	Trường THCS Định Hòa	8.50	3.80	7.00	19.30
424	050605	Nguyễn Thị Yến	Trang	Nữ	16/10/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	8.25	5.00	5.90	19.15
425	050606	Phạm Thị Hà	Trang	Nữ	17/06/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	7.00	4.50	8.25	19.75
426	050622	Nguyễn Minh	Tri	Nam	10/03/2010	Trường THCS Hiệp An	7.75	4.40	7.50	19.65
427	050624	Phạm Lê Minh	Triết	Nam	11/10/2010	Trường THCS Chu Văn An	6.25	5.50	5.25	17.00
428	050625	Lê Ngọc Phương	Trinh	Nữ	14/03/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	8.00	7.70	9.25	24.95
429	050626	Phạm Ngọc Thảo	Trinh	Nữ	08/04/2010	Trường THCS Hiệp An	7.75	2.60	7.50	17.85
430	050627	Trần Thị Ngọc	Trinh	Nữ	23/10/2008	Trường THCS Trần Bình Trọng	8.50	6.50	8.50	23.50
431	020802	Phạm Ngọc Phương	Trúc	Nữ	27/03/2010	Trường THCS Phú Hòa	7.00	3.00	7.25	17.25
432	050628	Lê Thanh	Trúc	Nữ	13/10/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	8.50	7.90	8.25	24.65
433	050629	Lưu Hồ Hoàng	Trúc	Nữ	08/06/2010	Trường THCS Trịnh Hoài Đức	7.25	5.50	7.25	21.00
434	050630	Tăng Thanh	Trúc	Nữ	22/03/2010	Trường THCS Chu Văn An	7.50	7.00	9.50	25.00
435	050631	Nguyễn Lương Hoàng	Trung	Nam	31/07/2009	Trường THCS Chu Văn An	6.75	8.80	8.50	24.05
436	030939	Phan Hoàng	Trương	Nam	27/06/2009	Trường ngoại tỉnh	7.25	4.00	5.40	16.65
437	050633	Nguyễn Lê Anh	Tú	Nam	17/03/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.25	3.80	6.00	17.05
438	050635	Trương Nguyễn Cẩm	Tú	Nữ	19/01/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	7.25	4.40	6.50	18.15
439	030950	Nguyễn Lê Anh	Tuấn	Nam	08/04/2010	Trường THCS Chu Văn An	6.75	3.00	7.25	17.00
440	050640	Lý Cát	Tường	Nữ	21/09/2010	Trường THCS Định Hòa	8.00	6.20	7.25	21.45
441	050642	Trần Gia	Tường	Nam	23/09/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.25	3.20	7.00	17.45
442	020815	Lê Thị Thanh	Tuyền	Nữ	06/07/2010	Trường THCS Phú Hòa	7.50	3.40	6.00	16.90
443	050638	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	17/05/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	8.50	4.00	6.75	19.25
444	020819	Nguyễn Dương Ánh	Tuyết	Nữ	26/07/2010	Trường THCS Chu Văn An	6.25	3.40	7.75	17.40
445	050643	Nguyễn Thành	Uy	Nam	25/06/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	6.50	8.30	7.50	22.30
446	030966	Ngô Bảo	Uyên	Nữ	04/11/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	6.50	4.60	5.80	16.90
447	050647	Lê Công	Vinh	Nam	24/11/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	7.25	7.90	8.50	23.65
448	050648	Nguyễn Diệp Quang	Vũ	Nam	05/08/2010	Trường THCS Phú Cường	6.50	3.80	6.25	16.55
449	050650	Vô Lê Hoàng	Vũ	Nam	02/11/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.25	3.00	6.25	16.50
450	050651	Nguyễn Thành	Vương	Nam	01/09/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.25	5.80	6.00	18.05
451	020855	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	Nữ	14/11/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	6.75	2.80	7.80	17.35

TT	SBD	Họ và Tên lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Năm lớp 9	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng
						học tại trường				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
452	050652	Bùi Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	15/11/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.50	3.00	5.75	16.25
453	050653	Đặng Ngọc Tường	Vy	Nữ	17/10/2010	Trường THCS Bình Phú	8.25	4.00	5.35	17.60
454	050654	Đoàn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	29/12/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	6.25	4.00	8.25	18.50
455	050655	Liêu Yến	Vy	Nữ	29/04/2010	Trường THCS Định Hòa	7.50	5.60	7.50	20.60
456	050657	Mai Hồng Bảo	Vy	Nữ	24/09/2010	Trường THCS Phú Hòa	7.00	3.80	4.75	16.55
457	050658	Ngô Trần Trúc	Vy	Nữ	17/09/2010	Trường THCS Hiệp An	7.75	2.60	7.75	18.10
458	050660	Nguyễn Huỳnh Thúy	Vy	Nữ	12/04/2010	Trường THCS Phú Hòa	7.50	3.80	7.75	19.05
459	050661	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	Nữ	19/06/2010	Trường THCS Hiệp An	7.25	3.00	7.75	18.00
460	050662	Nguyễn Thị Khánh	Vy	Nữ	16/04/2010	Trường THCS Chánh Nghĩa	6.25	7.10	5.15	18.50
461	050663	Nguyễn Thị Thảo	Vy	Nữ	12/02/2010	Trường THCS Bình Phú	8.50	4.20	7.00	19.70
462	050664	Nguyễn Tường	Vy	Nữ	10/09/2010	Trường THCS Chu Văn An	7.25	6.30	7.00	20.55
463	050665	Nông Yến	Vy	Nữ	14/09/2010	Trường THCS Bình Phú	8.25	5.00	7.50	21.75
464	050666	Phạm Hoài Thảo	Vy	Nữ	14/07/2009	Trường THCS Chu Văn An	6.75	5.60	5.15	17.50
465	050668	Phạm Thúy	Vy	Nữ	18/09/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.75	3.20	5.25	16.20
466	050674	Phạm Hồng	Xuân	Nữ	18/06/2010	Trường THCS Định Hòa	8.50	3.20	6.75	18.45
467	050675	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	Nữ	28/12/2009	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	6.50	3.80	6.50	16.80
468	020877	Phạm Trần Như	Ý	Nữ	27/04/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	6.50	4.00	6.25	16.75
469	050676	Đặng Như	Ý	Nữ	09/08/2010	Trường THCS Phú Cường	6.50	2.40	6.00	16.40
470	050677	Hồ Thị Như	Ý	Nữ	01/12/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	6.50	7.90	7.25	21.65
471	050680	Trần Ngọc Như	Ý	Nữ	28/10/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	6.50	3.60	7.25	17.35
472	050681	Trần Ngọc Như	Ý	Nữ	18/05/2010	Trường THCS Long Hòa	7.75	6.10	8.50	22.35
473	050682	Trịnh Như	Ý	Nữ	25/03/2010	Trường THCS Định Hòa	7.75	3.60	7.50	19.85
474	011073	La Hoàng	Yến	Nữ	09/08/2010	Trường THCS Bình Phú	8.25	8.00	8.50	24.75
475	031025	Đỗ Hoàng	Yến	Nữ	13/05/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.75	3.90	5.50	17.15
476	050683	Đoàn Thị Hoàng	Yến	Nữ	14/12/2010	Trường THCS Định Hòa	6.50	4.80	7.50	18.80
477	050686	Nguyễn Ngọc Nhã	Yến	Nữ	10/12/2010	Trường THCS Tương Bình Hiệp	7.75	5.70	7.25	20.70
478	050688	Nguyễn Thị Hồng	Yến	Nữ	09/05/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.50	4.00	7.25	18.75
479	050689	Trần Đoàn Ngọc	Yến	Nữ	20/12/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	8.00	4.60	6.05	18.65
480	050690	Trịnh Nguyễn Ngọc	Yến	Nữ	29/03/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.00	3.80	5.85	16.65
481	050691	Võ Thị Ngọc	Yến	Nữ	22/11/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.00	6.90	8.50	22.40
482		Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	Nữ	5/12/2010	THCS Định Hòa				Tuyển thẳng
483		Trịnh Thanh	Hùng	Nam	10/10/2010	THCS Trần Bình Trọng				Tuyển thẳng
484		Trần Võ Khánh	Duy	Nam	19/1/2009	THCS Định Hòa				Tuyển thẳng
485		Bùi Thị Ai	Xuân	Nữ	4/11/2009	THCS Trần Bình Trọng				Tuyển thẳng
486		Lương Thịnh	Phát	Nam	29/8/2009	THCS Chu Văn An				Tuyển thẳng
487	110506	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc		27/09/2010					16.40
488	050058	Đình Quốc	Bảo		5/4/2010					19.75
489	050032	Nguyễn Đức	Anh		22/09/2010					16.20
490	020576	Lê Huỳnh Bảo	Phúc		2/4/2010					17.10
491	100247	Trần Nhất	Duy		12/7/2010					16.65

Danh sách có 491 học sinh./.

Người lập

Lê Thanh Văn

TP.HCM, ngày 22 tháng 7 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Anh Khoa